

Số: /GPMT-UBND Kon Tum, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Tổ thẩm định cấp Giấy phép môi trường của dự án: Thủy điện Đăk Nghé tại Báo cáo số 391/BC-TTĐ ngày 17 tháng 9 năm 2024;

Xét nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường: Thủy điện Đăk Nghé (đã chỉnh sửa, bổ sung) gửi kèm theo Văn bản số 148/TTr-GETN ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Công ty Cổ phần GE Tây Nguyên;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 336/TTr-STNMT ngày 31 tháng 10 năm 2024 (kèm theo hồ sơ).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần GE Tây Nguyên (địa chỉ văn phòng tại số 528 Trần Nhân Tông, phường Quang Trung, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Thủy điện Đăk Nghé, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Thủy điện Đăk Nghé.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Đăk Kôi, huyện Kon Rẫy và xã Măng Cành, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 6101255090 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 01 năm 2019, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 10 tháng 12 năm 2021.

1.4. Mã số thuế: 6101255090.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Công suất lắp máy 07 MW; Điện lượng trung bình năm: 30,23 triệu kWh.

- Diện tích đất sử dụng: 26,75 ha (theo Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư dự án Thủy điện Đăk Nghé; Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 488/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2022 và Quyết định số 616/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định giao đất, cho thuê đất để triển khai thực hiện dự án tại các Quyết định số 398/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2022, Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2022, Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2024 và Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

+ Phân loại dự án theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công: Dự án nhóm B.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần GE Tây Nguyên được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần GE Tây Nguyên có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, chất thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (*kể từ ngày cấp phép*).

Điều 4. Trách nhiệm của đơn vị liên quan

- Sở Tài nguyên và Môi trường và Tổ thẩm định cấp Giấy phép môi trường của dự án chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, các cơ quan liên quan về: Quy trình thực hiện; đảm bảo thống nhất giữa hồ sơ và thực địa; tính trung thực, đầy đủ, chính xác, hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ, tài liệu, số liệu các nội dung liên quan trong hồ sơ trình cấp giấy phép môi trường của dự án.

- Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Chủ dự án (t/h);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh (*để biết*);
- Sở Tài nguyên và Môi trường (t/h);
- UBND các huyện: Kon Rẫy, Kon Plông (t/h);
- UBND: xã Đăk Kôi, xã Măng Cành (t/h);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (c/bố);
- Trang Thông tin điện tử Sở TN&MT (c/bố);
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, NNTN_{HVT}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Sâm

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ
NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nguồn nước thải sinh hoạt tại khu nhà làm việc, nhà quản lý vận hành, nhà ở công nhân của nhà máy.
- Nguồn số 02: Nguồn nước thải sinh hoạt tại khu vực nhà máy.
- Nguồn số 03: Nguồn nước thải sản xuất (*nước rò rỉ, nước thải phát sinh từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng có chứa dầu mỡ của nhà máy*).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thoát nước và sông Đăk Nghé thuộc địa phận xã Măng Cành, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả thải: Xã Măng Cành, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum.
- Dòng số 1: Nước thải sinh hoạt tại khu vực nhà điều hành và nhà ở công nhân. Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1614942; Y = 578569.
- Dòng số 2: Nước thải sinh hoạt tại khu vực nhà máy. Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1614383; Y = 578079.
- Dòng số 3: Nước thải sản xuất. Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1614419; Y = 578047.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107⁰30', múi chiếu 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 12,7m³/ngày đêm.

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt tại khu vực nhà điều hành và nhà ở công nhân: 1,3m³/ngày đêm.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt tại khu vực nhà máy: 0,2m³/ngày đêm.
- Nguồn số 03: Nước thải sản xuất: 11,2m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải

- Hệ thống ống dẫn nước thải sau xử lý đến vị trí xả vào nguồn nước tiếp nhận.
- Phương thức xả tại vị trí xả nước thải vào nguồn nước:
 - + Đối với nước thải sinh hoạt: Tự chảy.
 - + Đối với nước thải sản xuất: Bơm cưỡng bức.

2.3.2. Chế độ xả nước thải

- Đối với nước thải sinh hoạt: Xả liên tục 24 giờ.
- Đối với nước thải sản xuất: Xả gián đoạn.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường như sau:

- Dòng số 01: Nước thải sinh hoạt tại khu nhà làm việc, nhà quản lý vận hành, nhà ở công nhân của nhà máy và Dòng số 2: Nước thải sinh hoạt tại khu vực nhà máy bảo đảm đáp ứng yêu cầu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (*QCVN 14:2008/BTNMT - cột B với hệ số K = 1,2*).

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép
1	pH	-	5 - 9
2	BOD ₅	mg/l	60
3	TSS	mg/l	120
4	Amoni	mg/l	12
5	Nitrat	mg/l	60
6	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
7	Phosphat	mg/l	12
8	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000

- Dòng số 03: Nước thải sản xuất bảo đảm đáp ứng yêu cầu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (*QCVN 40:2011/BTNMT - cột A với hệ số K_q = 0,9; K_f = 1,2*).

STT	Chất ô nhiễm	ĐVT	Giá trị tối đa cho phép
1	pH	-	6 - 9
2	TSS	mg/l	54
3	COD	mg/l	81
4	BOD ₅	mg/l	32,4
5	Dầu mỡ khoáng	mg/l	5,4
6	Coliform	MPN/100ml	3.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

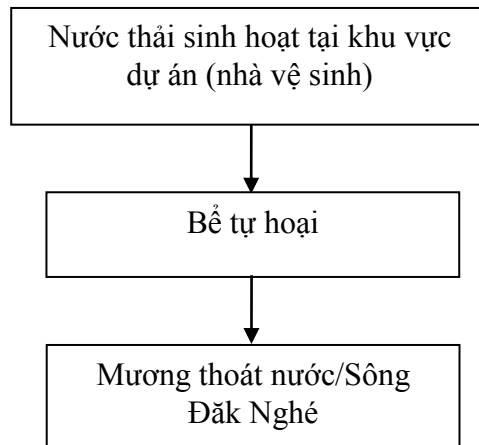
- Đối với nước thải sinh hoạt: Được thu gom bằng đường ống PVC từ khu nhà vệ sinh về bể tự hoại.

- Đối với nước thải sản xuất: Được thu gom bằng hệ thống đường ống dẫn nước vào hệ thống xử lý nước rò rỉ để xử lý nước thải lẫn dầu tại khu vực nhà máy.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

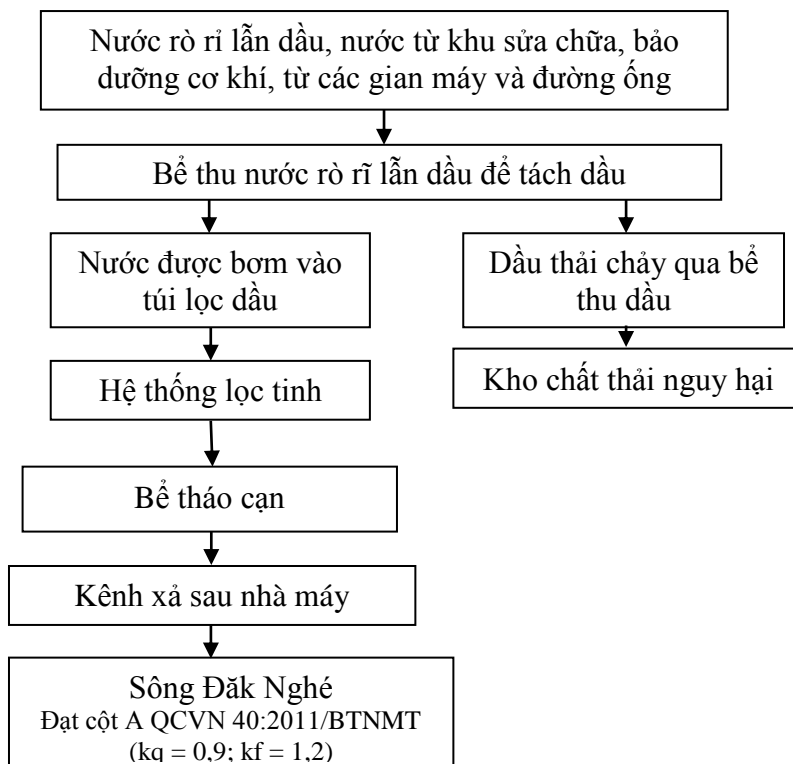
1.2.1. Nước thải sinh hoạt

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn có dung tích thiết kế mỗi bể là $5,38\text{m}^3$, đảm bảo khả năng xử lý đối với số lượng công nhân tại nhà máy. Sơ đồ và quy trình công nghệ xử lý như sau:



1.2.2. Nước thải sản xuất

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sản xuất được thu gom, xử lý tại các bể thu gom xử lý sau đó bơm ra nguồn tiếp nhận. Sơ đồ và quy trình công nghệ xử lý như sau:



1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Sự cố nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu theo quy định; Tắc, vỡ đường ống thoát nước mưa, nước thải.

- Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố.

+ Định kỳ bổ sung chế phẩm vi sinh bể tự hoại.

+ Thường xuyên nạo vét bùn cặn nhằm tăng khả năng lắng của nước thải sinh hoạt.

+ Thường xuyên tổ chức nạo vét hệ thống thoát nước, thông đường ống tắc nghẽn, thay thế đường ống thoát nước bị hỏng.

+ Thường xuyên kiểm tra và định kỳ thay thế túi lọc dầu trong bể tách dầu để đảm bảo chất lượng nước đầu ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 30 ngày.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- Nước thải sinh hoạt: 02 vị trí:

+ Nước thải sinh hoạt sau xử lý khu vực nhà làm việc, nhà quản lý vận hành, nhà ở công nhân.

+ Nước thải sinh hoạt sau xử lý khu vực nhà máy.

- Nước thải sản xuất: 02 vị trí.

+ Tại đầu vào hệ thống xử lý.

+ Tại đầu ra sau xử lý.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

- Nước thải sinh hoạt:

+ Thông số giám sát: pH; BOD₅; TSS; Amoni; Nitrat; Dầu mỡ động, thực vật; Phosphat; Tổng Coliform.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, với $K = 1,2$).

- Nước thải sản xuất:

+ Thông số giám sát: pH; TSS; COD; BOD₅; Dầu mỡ khoáng; Coliform.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, với $Kq = 0,9$; $Kf = 1,2$).

2.3. Tần suất lấy mẫu

- Trong giai đoạn vận hành ổn định:

+ Nước thải sinh hoạt: Lấy mẫu 3 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

+ Nước thải sản xuất trước xử lý: Lấy 01 mẫu của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

+ Nước thải sản xuất sau xử lý: Lấy mẫu 3 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thực hiện xây dựng đường ống dẫn nước thải sau xử lý đến vị trí tiếp nhận, đảm bảo không xả nước thải vào hệ thống mương thủy lợi, ruộng đất canh tác của người dân xung quanh khu vực dự án.

3.3. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo:

- Thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

Nguồn số 01: Khí thải từ máy phát điện dự phòng.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải

- Dòng khí thải số 01: Ống thoát khí thải của máy phát điện. Tọa độ vị trí xả thải: (X = 1614473; Y = 578073).

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107⁰30', múi chiều 3⁰).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 249,6m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả gián đoạn.

2.2.2. Chế độ xả khí thải: Xả theo thời gian phát điện dự phòng.

2.2.3. Chất lượng khí thải phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT cột B, Kp=1, Kv=1,4 - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	280
2	CO	mg/Nm ³	1.400
3	SO ₂	mg/Nm ³	700
4	NO _x	mg/Nm ³	1.190

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án phải đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận; thực hiện đúng các cam kết đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu và ngừng ngay việc xả thải.

3.2. Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, phòng ngừa và khắc phục sự cố ô nhiễm môi trường không khí do hoạt động xả khí thải của mình gây ra theo quy định. Bồi thường thiệt hại cho các tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do hành vi xả khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép và cơ quan chức năng ở địa phương nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu chất lượng môi trường không khí xung quanh dự án.

Phụ lục 3
ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN
VÀ CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP GIẤY PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tại khu vực của 2 tổ máy (*khu vực đặt Tuabin*).
- Nguồn số 02: Máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Vị trí: Xã Măng Cành, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum.
- Nguồn số 01: Tọa độ vị trí: X = 1614459; Y = 578034.
- Nguồn số 02: Tọa độ vị trí: X = 1614458; Y = 578065.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107⁰30', múi chiếu 3⁰).

3. Tiếng ồn phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và QCVN 27:2016/BYT về Rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

TT	Thông số	Đơn vị	Thời gian áp dụng trong ngày		Ghi chú
			Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	
1	Tiếng ồn	dBA	70	55	Khu vực thông thường
2	Độ rung	dB	70	60	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Xây dựng nhà máy thủy điện với kết cấu bê tông cốt thép vững chắc chống chấn động. Các thiết bị gây ồn lớn như turbine, máy phát điện, máy nén khí sẽ bố trí dưới các tầng hầm để giảm thiểu tiếng ồn và rung động.

- Lắp đặt máy móc theo đúng thiết kế, thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng, thay thế các chi tiết mau mòn.

- Lắp đặt các tấm đệm cao su hoặc xốp cho các thiết bị để giảm chấn động do thiết bị gây nên.

- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp thiết bị, kiểm tra độ ăn mòn chi tiết.

- Bảo dưỡng máy móc, thường xuyên bôi trơn các khớp, bộ phận chuyển động của máy móc thiết bị; kê, đệm các vật dụng tạo cân bằng cho máy móc (*mút, đệm, nút cao su*) để giảm bớt độ ồn đảm bảo công suất làm việc của máy và sức khỏe công nhân, đồng thời chống được sự mài mòn do ma sát; có phòng điều khiển vận hành riêng, cách ly với gian đặt máy.

- Bố trí máy móc thiết bị gây ồn hợp lý trong khu vực sẽ giảm được dự cộng hưởng tiếng ồn.

- Có chế độ giải lao và chế độ chuyển ca hợp lý cho công nhân nhằm giảm tiếp xúc với tiếng ồn.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân vận hành.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại phần A phụ lục này.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	2
2	Dầu nhớt thải	17 02 01	31,7
3	Bao bì, chai lọ đựng dầu nhớt	18 01 01	10
4	Giẻ lau dính dầu mỡ	18 02 01	15
5	Dầu thải từ thiết bị tách dầu/nước	17 05 04	8
Tổng			64,7

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Khối lượng thực vật phát quang giải phóng mặt bằng và thu dọn lòng hồ khoảng 9m³.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 12kg/ngày đêm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại: Thùng chứa có nắp đậy, dán nhãn theo quy định.

2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại

- Diện tích kho chứa: 7m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa chất thải nguy hại: Kiểu kho được thiết kế kiểu kho kín, có mái che, tường đôi M200, nền cao được lát gạch men và đặt tại nơi có cao trình đảm bảo, xa khu nhà ở công nhân để tránh bị ảnh hưởng bởi mưa lũ và đảm bảo an toàn cho cán bộ công nhân viên. Bố trí biển cảnh báo cháy tại khu vực nhà lưu chứa.

- Thực hiện lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại theo hướng dẫn của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

+ Đối với chất thải rắn công nghiệp phát sinh từ các hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa của nhà máy sẽ được thu gom lưu trữ tại kho chứa chất thải công nghiệp trong khu vực nhà máy có diện tích 7m². Kết cấu: Mái lợp Tôn màu sóng vuông dày 4,5zem; Xà gồ thép hộp (50×100×2)mm; Tường xây gạch không nung 6 lỗ, dày 150mm, vữa xi măng M75, trát tường vữa xi măng M75; Tường trong, tường ngoài quét vôi; Nền nhà đổ bê tông đá M200, láng vữa xi măng chống trượt; Móng xây đá chẻ kích thước (150×200×250)mm.

+ Đối với cành, thân, rễ cây,... được Công ty thu gom và vận chuyển về bãi thải số 03 để lưu trữ với diện tích là 1,03ha, sức chứa: 3.000m³.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 02 thùng rác có nắp đậy có thể tích 200L tại nhà điều hành, nhà ở công nhân và khu vực nhà máy.

2.3.2. Chất thải rắn sinh hoạt được Công ty thu gom và lưu trữ vào kho chứa với diện tích 7m² và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển và xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Tuân thủ việc đổ chất thải từ quá trình nạo vét lòng hồ đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường; tạo rãnh thoát nước mưa, tiến hành đầm nén theo quy định, tạo mái taluy chống sạt lở, kê gia cố chân bãi thải trong quá trình đổ thải, không để sạt lở bồi lấp sông suối, vùng trũng.

- Thực hiện biện pháp đảm bảo vận hành an toàn công trình và an toàn hạ lưu.

- Thực hiện biện pháp giảm thiểu sạt lở, tái tạo, biến đổi dòng chảy bùn cát và bồi lắng lòng hồ.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố thiên tai.

- Thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Tuân thủ quy trình vận hành hồ chứa được cấp thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm an toàn cho các hồ, đập, nhu cầu sử dụng nước cho các dự án thủy điện liên kề và bảo vệ môi trường sinh thái phía hạ lưu đập.

- Duy trì lưu lượng dòng chảy tối thiểu đoạn sông sau tuyến đập theo quy định của pháp luật.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- Công khai giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.

- Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành; bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường theo quy định của pháp luật.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (*trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường*) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Tuân thủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đa dạng sinh học, Luật Khoáng sản, Luật Tài nguyên nước, Luật Lâm nghiệp, Luật Đầu tư... và các quy định của pháp luật khác có liên quan. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại nếu trong quá trình hoạt động gây nhiễm môi trường, gây sự cố môi trường ảnh hưởng đến các đối tượng xung quanh.
